TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ LỘC** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 15 - 8 - 2023.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Vy và ông Trần Minh Khôi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-DS, ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N2. Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đ - Giám đốc ngân hàng N2 chi nhánh huyện P. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Ngọc B - Phó Giám đốc ngân hàng N2 chi nhánh huyện P, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1; địa chỉ: Số B L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại điện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1982 - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Quý P, sinh năm 1982; bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1982, bà Nguyễn Thị N1, ông Lê Quý L, bà Đặng Thị L1. Đều ở tại địa chỉ: H P, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng N2 (viết tắt là ngân hàng) chi nhánh P và Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 (viết tắt là Công ty T1) có ký 02 Hợp đồng tín dụng cho vay, cụ thể:

Hợp đồng 01: Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) số: 4005-LAV-202103231 ký kết ngày 01/12/2021, thời hạn vay: 60 tháng, phương thức trả nợ gốc: định kỳ 01 năm trả 01 lần 600.000.000 đồng vào ngày 30/11 hàng năm cho đến khi hết nợ, trả nợ lãi: theo quý (03 tháng/lần) vào ngày 30 theo thỏa thuận. Mục đích vay: Xây dựng nhà xưởng, mua máy khâu phục vụ sản xuất May mặc.

- Số tiền gốc cho vay : 3.000.000.000 đồng.
- Số tiền gốc đã trả từ khi cho vay đến thời điểm 01/12/2022: 0 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ đến 15/8/2023: 3.000.000.000 đồng.
- Số lãi đã trả: 154.528.767 đồng (trả đến ngày 15/8/2023).
- Số tiền lãi chưa trả đến ngày 15/8/2023: 351.833.425 đồng (trong đó lãi trong hạn 331.052.055 đồng, lãi quá hạn: 20.781.370 đồng).

Hợp đồng 02: HĐTD số 4005LAV202103275 ký kết ngày 07/12/2021, thời hạn vay: 12 tháng, mục đích vay: May mặc.

Số tiền vay: 1.500.000.000 đồng. Trong đó:

*** Giải ngân lần 1**: 4005LDS202105024 ngày 07/12/2021.

- Số tiền gốc cho vay : 1.000.000.000 đồng.
- Số tiền gốc đã trả từ khi cho vay đến thời điểm 15/8/2023: 0 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ đến 15/8/2023: 1.000.000.000đồng.
- Số lãi đã trả: 41.815.069 đồng (trả đến ngày 15/8/2023).
- Số tiền lãi chưa trả đến ngày 15/8/2023: 110.342.466 đồng (trong đó lãi trong hạn: 84.452.055 đồng, lãi quá hạn: 25.890.411 đồng).

*** Giải ngân lần 2**: 4005LDS202202654 ngày 21/07/2022.

- Số tiền gốc cho vay : 500.000.000 đồng.
- Số tiền gốc đã trả từ khi cho vay đến thời điểm 15/8/2023: 0 đồng.
- Số tiền gốc còn nợ đến 15/8/2023: 500.000.000đồng.
- Số lãi đã trả: 0 đồng.
- Số tiền lãi chưa trả đến ngày 15/8/2023: 53.808.219 đồng (trong đó lãi trong hạn: 42.849.315 đồng, lãi quá hạn: 10.958.904 đồng).

Các bên thỏa thuận lãi suất như sau: Lãi suất vay trong hạn: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ; Lãi chậm trả: Trường hợp bên vay không thanh toán lãi đúng hạn thì bên vay phải trả lãi chậm trả cho bên cho vay theo mức lãi suất chậm trả quy định của bên cho vay tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không vượt quá 10%/năm và được tính trên số dư chậm trả tương ứng với số ngày thực tế chậm trả lãi; Lãi suất áp dụng đối với nợ gốc quá hạn: Trường hợp khoản vay bị chậm thanh toán nợ gốc đến hạn, bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm nợ gốc bị quá hạn thanh toán và được tính trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với số ngày thực tế chậm trả gốc.

Để đảm bảo cho các khoản tiền vay trên, phía ngân hàng, Công ty T1 và ông Lê Quý P đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 30/11/2021/HĐTC ngày 30/11/2021 đã được công chứng và Đăng ký giao dịch đảm bảo tại phòng C, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 30/11/2021. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số thửa: ABC, tờ bản đồ số: XY, diện tích đất: 453,1 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên ông Lê Quý P, Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số CG 331059 Do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/06/2017.

Quá trình vay vốn, Công ty T1 chưa trả tiền gốc cho ngân hàng, chỉ mới trả 196.343.836 đồng tiền lãi.

Ngày 31/08/2022, Công ty T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi, ngày 01/12/2022 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, không thực hiện việc trả nợ theo định kỳ như hợp đồng đã ký kết, ngân hàng đã thông báo và làm việc rất nhiều lần với phía Công ty T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bằng các biên bản làm việc, giấy mời để yêu cầu giải quyết trả nợ gốc và lãi nêu trên nhưng đến nay khách hàng vẫn không trả nợ, đồng thời ngân hàng cũng đã gửi thông báo xử lý tài sản thế chấp nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không hợp tác để bàn giao tài sản.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T1 phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tổng gốc và lãi tính đến ngày 15/8/2023 là 5.015.984.110 đồng, trong đó: tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi: 515.984.110 đồng và toàn bộ số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quá hạn, quy định tại Hợp đồng tín dụng số 4005-LAV-202103231 ngày 01/12/2021 và Hợp đồng tín dụng số 4005LAV202103275 ngày 07/12/2021 đã ký với ngân hàng cho đến khi Công ty T1 thanh toán xong hết toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp Công ty T1 không trả được nợ cho ngân hàng, đề nghị xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn, bà Nguyễn Thị Cẩm N - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp và hòa giải.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Quý P trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Cẩm N, Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1. Quá trình điều hành công ty, bà N ủy quyền cho ông đại diện Công ty vay tiền tại Ngân hàng N2 chi nhánh P, số tiền 4.500.000.000 đồng. Khi vay vốn, ông P có thế chấp tài sản của Ông là quyền sử dụng đất số thửa: ABC, tờ bản đồ số: XY, diện tích đất: 453,1 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, đứng tên ông Lê Quý P, Giấy tờ về tài sản: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số CG 331059. Do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/06/2017 để vay vốn. Sau khi vay vốn, do tình hình dịch bệnh kéo dài nên phía Công ty thua lỗ. Do đó, ông P đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện để Công ty T1 tìm nguồn tiền trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà là mẹ của anh Lê Quý P, thửa đất mà anh P thế chấp ngân hàng để vay vốn là của vợ chồng bà, khi chồng bà mất thì bà và các con thống nhất tặng toàn bộ cho anh Lê Quý P để vay vốn làm ăn. Đây là nơi ở duy nhất của bà. Do đó, trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn T1 không trả được nợ và phía ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đất và nhà thì bà không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Lê Quý L trình bày: Ông là anh trai của anh Lê Quý P, thửa đất mà anh P thế chấp ngân hàng để vay vốn là của cha mẹ ông, khi cha ông mất thì mẹ và các anh em thống nhất tặng cho toàn bộ cho anh Lê Quý P để vay vốn làm ăn. Đây là nơi ở duy nhất của ông. Do đó, trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 không trả được nợ và phía ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đất và nhà thì ông đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Cẩm N, bà Đặng Thị L1 không có ý kiến trình bày.

Ngày 18/4/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 296, tờ bản đồ số: 19, diện tích đất: 453,1 m^2 và tài sản gắn liền với đất tại Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế và tài sản trên đất, xác định thửa đất này chính là thửa đất mà ông Lê Quý P thế chấp quyền sử dụng đất để Công ty T1 vay vốn ngân hàng. Thửa đất này hiện nay không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong vụ án dân sự như sau:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn trong thời hiệu khởi kiện, xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng; quá trình xác minh, thu thập chứng cứ cũng như việc xét xử tại phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhiều lần vắng mặt nên cần xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T1 phải trả cho ngân hàng số tiền là 5.015.984.110 đồng, trong đó: tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi: 515.984.110 đồng và toàn bộ số tiền lãi, lãi quá hạn phát sinh theo lãi suất quá hạn, quy định tại Hợp đồng tín dụng và khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ. Trong trường hợp Công ty T1 không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì ngân hàng yêu cầu cơ quan chức năng có quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Sau khi nhận tiền theo hợp đồng tín dụng đã kí kết, phía bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên phía nguyên đơn khởi kiện là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Lộc theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến phiên tòa như Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không có lý do chính đán. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số: 4005-LAV-202103231 ký kết ngày 01/12/2021 và HĐTD số 4005LAV202103275 ký kết ngày 07/12/2021 giữa bên cho vay là Ngân hàng N2 chi nhánh P và bên vay là Công ty T1 được ký kết có hình thức và nội dung thỏa thuận phù hợp với các Điều 385, 398 và 463 của Bộ luật Dân sự2015, các Điều 90, 91 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụngnên hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng N2 chi nhánh P đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã tiến hành giải ngân khoản vay, Công ty T1 đã nhận số tiền 4.500.000.000 đồng theo giấy nhận nợ và các chứng từ giao dịch. Công ty T1 chưa trả được tiền gốc mà chỉ mới trả được tiền lãi là 196.343.836đồng.

Như vậy, Công ty T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn nên đã vi phạm về thời hạn trả nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc Công ty T1 phải thanh toán các khoản nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.015.984.110 đồng, trong đó: tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi: 515.984.110 đồng và các khoản lãi phát sinh từ ngày tiếp theo theo hợp đồng cho đến khi trả xong các khoản nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 30/11/2021/HĐTC ngày 30/11/2021 đã được công chứng và Đăng ký giao dịch đảm bảo tại phòng C, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 30/11/2021. Hợp đồng này đã bảo đảm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch theo quy định tại Điều 298 Bộ Luật dân sự năm 2015 và được công chứng theo đúng quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ: 296, tờ bản đồ số: 19, diện tích đất: 453,1 m2 và tài sản gắn liền với đất tại tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CG 331059, số vào sổ cấp GCN: CS00496 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/6/2017 đứng tên ông Lê Quý P. Sau khi vay cho đến nay, thửa đất không có tranh chấp, không phát sinh tài sản mới gắn liền với thửa đất.

Do vậy, trong trường hợp Công ty T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có

thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận của các bên quy định tại Điều 5 Hợp đồng thế chấp ngày 30/11/2021 và Điều 299 Bộ luật dân sự.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.200.000 đồng. Căn cứ vào Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc Công ty T1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã nộp đủ số tiền này nên cần buộc Công ty T1 phải trả lại cho ngân hàng số tiền 2.200.000 đồng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 158, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 385, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 90, 91 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải trả cho Ngân hàng N2 số tiền nợ tính đến ngày 15/8/2023 là 5.015.984.110 đồng, trong đó: tiền gốc là 4.500.000.000 đồng, tiền lãi: 515.984.110 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng N2 thì lãi suất mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng N2 cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 30/11/2021/HĐTC ngày 30/11/2021 đã được công chứng và Đăng ký giao dịch đảm bảo tại phòng C, tỉnh Thừa Thiên Huế, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H ngày 30/11/2021. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Tổ D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. số thửa: ABC, tờ bản đồ số: XY, diện tích đất: 453,1m^2, đứng tên ông Lê Quý P, Giấy tờ về tài sản: Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khách gắn liền với đất số CG 331059 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 01/06/2017.

2. Về án phí: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu 113.015.984 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N2 số tiền 56.330.234 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số AA/2021/0004222 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu 2.200.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng N2 đã nộp đủ số tiền này nên buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải hoàn trả lại cho ngân hàng N2 số tiền 2.200.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Phương Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- THADS huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.